

Số: 194 /BC-UBND

Minh Long, ngày 01 tháng 9 năm 2016

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện Nghị Quyết 30a, Chương trình 135 và kinh phí định  
cạnh định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số năm 2015**

Theo Công văn số 2045/STC-NS ngày 25/8/2016 của Sở Tài chính về việc báo cáo kết quả thực hiện Nghị Quyết 30a, Chương trình 135 và kinh phí định cạnh định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số năm 2015.

UBND huyện Minh Long báo cáo kết quả thực hiện Nghị Quyết 30a, Chương trình 135 và kinh phí định cạnh định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số năm 2015 như sau:

**1. Kinh phí Sự nghiệp 30a , trong đó:**

**1.1: Vốn sự nghiệp:**

- Tổng kinh phí tính phân bổ năm 2015: 6.090 triệu đồng
- Tổng kinh phí thực hiện năm 2015: 5.161,617 triệu đồng
- Tổng kinh phí còn lại năm 2015 chuyển nguồn sang năm 2016: 1.228,385 triệu đồng. (các đơn vị đang thực hiện trong năm 2016).

**1.2. Kinh phí duy tu bảo dưỡng:**

- Tổng kinh phí tính phân bổ năm 2015: 2.836 triệu đồng
- Tổng kinh phí thực hiện năm 2015: 2.824,273 triệu đồng
- Tổng kinh phí còn lại năm 2015: 11,727 triệu đồng.

**2. Vốn đầu tư chương trình 30a:**

- Tổng kinh phí tính phân bổ năm 2015: 39.154,202 triệu đồng
- Tổng kinh phí thực hiện năm 2015: 39.153,682 triệu đồng
- Tổng kinh phí còn lại năm 2015: 0,52 triệu đồng.

**3. Vốn chương trình 135:**

- Tổng kinh phí năm trước chuyển sang: 151,799 triệu đồng
- Tổng kinh phí tính phân bổ năm 2015: 5.834,699 triệu đồng
- Tổng kinh phí thực hiện : 5.642,719 triệu đồng
- Tổng kinh phí còn lại : 343,779 triệu đồng.

**4. Vốn định cạnh định cư năm 2014 chuyển sang:**

- Tổng kinh phí năm 2014 chuyển sang: : 1.014,2 triệu đồng
- Tổng kinh phí thực hiện : 417,264 triệu đồng
- Tổng kinh phí còn lại : 596,936 triệu đồng (đang thực hiện)

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Nghị Quyết 30a, Chương trình 135 và kinh phí định canh định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số năm 2015. UBND huyện Minh Long báo cáo Sở Tài chính theo dõi ./.

**Nơi nhận:**

- Sở Tài chính;
- CT, PCT;
- Phòng TC-KH;
- VP: C, PVP;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Võ Đình Tiến**

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Kinh phí trước năm 2015 chuyển qua	Kinh phí phân bổ năm 2015	Kinh phí huyện phân bổ	Thực hiện		Kinh phí chưa sử dụng	
					Kinh phí trước năm 2015	Kinh phí Năm 2015	Trước năm 2015	Năm 2015
I	2	3	4	5	7	8		
I	VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH 30A	0	8.926	8.598	0	7.685.89	0.00	1.240.1125
1	Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội		4.728	4.400.0		3.613.2		1.114.8080
2	Hỗ trợ kinh phí khoán chăm sóc, bảo vệ rừng (300.000 đồng/ha)							
	Hỗ trợ hộ nghèo nhận lương thực khoán chăm sóc, bảo vệ rừng, trồng rừng							
3	(15 kg gạo/khâu/tháng)		690	690.0		690.0000		0.0000
4	Hỗ trợ giáo dục đào tạo và dạy nghề		672	672.0	0.0000	558.4225		113.5775
4.1	Hỗ trợ phát triển SX nông lâm nghiệp, nâng cao dân trí			200.0		110.5300		
4.2	Hỗ trợ đẩy mạnh xuất khẩu lao động			372.0	0.0000	447.8925		
4.2.1	Thông tin, tuyên truyền, tư vấn xuất khẩu lao động					7.0000		
4.2.2	Thông tin, tuyên truyền ở xã			100.0		100.0000		
4.2.3	Tư vấn xuất khẩu lao động							
4.2.4	Đào tạo nâng cao năng lực cán bộ làm công tác xuất khẩu lao động					320.1500		
4.2.5	Tư vấn, giới thiệu việc làm cho lao động sau khi về nước							
4.2.6	Giám sát, đánh giá					20.7425		
5	Kinh phí duy tu bảo dưỡng	0	2.836	2.836.0	0.0000	2.824.2730		11.7270
II	VỐN ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH 30A		39.154.202	39.154.202		39.153.6820		0.5200
III	VỐN CHƯƠNG TRÌNH 135	151.7996	5.834.6990	5.834.6990	81.0000	5.561.7190	70.7996	272.9800
1	Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất	147.4616	1.263.545	1.263.545	81.0000	1.110.7160	66.4616	152.8290
2	Dự án phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn		4.319.828	4.319.828	0.0000	4.208.3090		111.5190
3	Dự án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cán bộ xã, thôn bản cộng đồng							
4	Chính sách hỗ trợ và cải thiện dịch vụ (Hỗ trợ học sinh nghèo, hỗ trợ pháp							
5	Kinh phí duy tu bảo dưỡng	4.33800	251.326	251.326	0.0000	242.6940	4.3380	8.6320
6	Kinh phí ban quản lý dự án( Ban CD)							
IV	VỐN ĐỊNH CẢNH ĐỊNH CƯ	1.014.2	0.0	0.0	417.2640	0.0000	596.9360	0.0000
1	Dự án A	1.014.2	0.0	0.0	417.3	0.0	596.936	0.0
	- Hỗ trợ làm nhà, nước sinh hoạt, lương thực, phát triển sản xuất.	660.0	0.0	0.0	360.0000	0.0000	300.0000	

STT	CHỈ TIÊU	Kinh phí trước năm 2015 chuyển qua	Kinh phí phân bổ năm 2015	Kinh phí huyện phân bổ	Thực hiện		Kinh phí chưa sử dụng	
					Kinh phí trước năm 2015	Kinh phí Năm 2015	Trước năm 2015	Năm 2015
1	2	3	4	5	6	8		
	- Hỗ trợ di chuyển từ nơi ở cũ đến nơi định canh, định cư đầu:	105.0		0.0	0.0000	0.0000	47.7360	
	(khuyến nông).	90.0	0.0	0.0	0.0000	0.0000	90.0000	
	Dự án B	159.2	0.0	0.0		0.0000	159.2000	
2	.....							

## TỔNG HỢP KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH 30A NĂM 2016

(Kèm theo báo cáo số 194/BC-UBND ngày 10/11/2016 tháng 9 năm 2016 của UBND huyện Minh Long)

ĐVT: Triệu đồng



STT	CHI TIẾT	Kinh phí Năm 2015	Nhu cầu kinh phí năm 2016
1	2	3	4
I	VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH 30A	5.310	8.290
1	Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội	3.613	5.290
2	Hỗ trợ kinh phí khoán chăm sóc, bảo vệ rừng (300.000 đồng/ha)	0	
3	rừng (15 kg gạo/khâu/tháng)	690	3.000
4	Hỗ trợ giáo dục đào tạo và dạy nghề	1.006	
4.1	Hỗ trợ phát triển SX nông lâm nghiệp, nâng cao dân trí	111	
4.2	Hỗ trợ đẩy mạnh xuất khẩu lao động	448	272
4.2.1	Thông tin, tuyên truyền, tư vấn xuất khẩu lao động	7	
4.2.2	Thông tin, tuyên truyền ở xã	100	370
4.2.3	Tư vấn xuất khẩu lao động		
4.2.4	Đào tạo nâng cao năng lực cán bộ làm công tác xuất khẩu lao động	320	
4.2.5	Tư vấn, giới thiệu việc làm cho lao động sau khi về nước		
4.2.6	Giám sát, đánh giá	21	
5	Kinh phí duy tu bảo dưỡng		

UBND HUYỆN MINH LONG

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN 30A NĂM 2015

(Kèm theo báo cáo UBND ngày 01 tháng 9 năm 2016 của UBND huyện Minh Long)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Điểm	3	4	5	6	7	Tiến độ thực hiện công trình	Vốn năm 2015		Tỷ lệ giải ngân/Kế hoạch vốn 2015	Ghi chú
									Kế hoạch vốn năm 2015	Giải ngân đến ngày báo cáo		
1	2								9	10	11	12
	<b>VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN</b> ( Trong đó gồm: Vốn ĐTPT theo kế hoạch 2015 và vốn thu hồi tạm ứng gói thầu số 8 đường Làng Tranh			215.512	0	0	0		39.154.202	39.153.682	99.999	Tổng kế hoạch vốn Đầu tư năm 2015 là 39.154,202 triệu đồng.; Trong đó: Vốn Đầu tư theo kế hoạch 2015 là: 29.183 triệu và vốn thu hồi tạm ứng gói thầu số 8 đường Làng Tranh là 9.971,202 triệu đồng
I	Trả nợ công trình hoàn thành			176.780	-	-	-		12.722.5	12.722.02	100.00	
1	Đập nước Xuyên 2+mương	Long Hiệp		3.250.0	9,5 ha	2012		Đã hoàn thành đưa vào sử dụng	12.99	12.99	100.0	
2	Đập cá Len +mương	Long Mai		2.150.0	5,5 ha	2012		Đã hoàn thành đưa vào sử dụng	14.70	14.70	100.0	
3	Đường Long Hiệp- TD11	Long Hiệp		4.061.2	780,2m	2012		Đã hoàn thành đưa vào sử dụng	19.31	19.31	100.0	
4	Kênh mương Làng Điều	Long Sơn		465	5 ha	2012		Đã hoàn thành đưa vào sử dụng	13.00	13.00	100.0	
5	Đường Thanh An- Thác Trắng	Thanh An		4.989	1300m	2012		Đã hoàn thành đưa vào sử dụng	14.96	14.96	100.0	
6	Cải tạo khu dân cư Đồng Nguyễn	Long Hiệp		6.850	l= 1300m	2012-2013		Đã hoàn thành đưa vào sử dụng	392.87	392.87	100.0	
7	Đường TT xã Long Hiệp huyện GD1	Long Hiệp		29.012	L = 1960,98m	2010-2014		Đã hoàn thành đưa vào sử dụng	459.68	459.68	100.0	
8	Đường Suối Tia TT GTX giai đoạn 1	Long Hiệp		15.404	L = 876,68m	2010-2014		Đã hoàn thành đưa vào sử dụng	360.31	360.31	100.0	



9	Đập Hóc Lê + mương	Long Hiệp	2.715	Sha	2013	Đã hoàn thành đưa vào sử dụng	36.09	36.09	100.0	
10	Cầu Thanh Mậu	Thanh An	6.721.2	18 m + đường 2 đầu cầu	2013	Đã hoàn thành đưa vào sử dụng	767.63	767.63	100.0	
11	Trạm Y tế xã Thanh An	Thanh An	3.714	300m <sup>2</sup>	2013-2014	Đã hoàn thành đưa vào sử dụng	464.49	464.49	100.0	
12	Trạm Y tế xã Long Mai	Long Mai	3.895	300m <sup>2</sup>	2013-2014	Đã hoàn thành đưa vào sử dụng	555.89	555.89	100.0	
13	Cầu Tỉnh Đỗ	Thanh An	14.946	54m + đường 2 đầu cầu	2013-2015	Đã hoàn thành đưa vào sử dụng	1.438.63	1.438.63	100.0	
14	Đường TT y tế Ngã ba Ông Tiên	Long Hiệp	14.973.0	1,519 km	2013-2015	Đã hoàn thành đưa vào sử dụng	7.600.00	7.600.00	100.0	
15	Đường Làng Tranh	Long Hiệp	63.635.0	L=11,294 m	2011-2014	Đã hoàn thành đưa vào sử dụng	572.00	571.48	99.9	
II	Công trình chuyển tiếp năm 2015		14.425				5.125.55	5.125.55	100.0	
I	Đường Suối rìa Thôn ba (giai đoạn 2)	Long Hiệp	14.425	706,89m	2013-2015	Đã hoàn thành đưa vào sử dụng	5.125.55	5.125.55	100.0	
III	Công trình thực hiện 2015		24.307				21.306.12	21.306.12	100.0	
1	Cầu Gò Rộc cầu và đường hai đầu cầu	Thanh An	9.303	67m và đường hai đầu cầu	2015-2016	Khối lượng thực hiện khoảng 80% khối lượng	7.359.47	7.359.47	100.0	
2	Nước sinh hoạt thôn Phiên Chá- Gò Rộc- Thanh Mậu)	Thanh An	4.460	L= 4859m	2015	Đã hoàn thành đưa vào sử dụng	4.331.42	4.331.42	100.0	
3	Cầu Trại suối Gò Nay và đường hai đầu cầu	Long Sơn	6.132	27m và đường hai đầu cầu	2015-2016	Đã hoàn thành đưa vào sử dụng	5.547.81	5.547.81	100.0	
4	Nhà Văn Hóa xã Thanh An	Thanh An	4.412	506m <sup>2</sup>	2015	Đã hoàn thành đưa vào sử dụng	4.067.41	4.067.41	100.00	

Ghi chú: - Kế hoạch vốn Đầu tư phát triển năm 2015 theo các quyết định sau: QĐ số 462/QĐ-UBND, 19/12/2014 của UBND tỉnh và QĐ 346/QĐ-UBND ngày 18/3/2015; QĐ 216/QĐ-UBND ngày 15/7/2015 và Quyết định điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2015 số 299/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 của UBND tỉnh  
- Nguồn vốn sự nghiệp duy tu theo QĐ số 1039/QĐ-UBND ngày 4/6/2015; QĐ số 1393/QĐ-UBND ngày 10/8/2015 của UBND huyện